

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 44

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Số 80 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 47 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch	
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên	
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên	
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên	
Ông Adrian Teng	Thành viên	
Ông Mai Phước Nghê	Thành viên	
Ông Bùi Kim Kha	Thành viên	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017
Ông Vũ Bảo Quốc	Thành viên	từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đặng Công Trục	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Tổng Giám đốc	
Ông Thái Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Tài	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Kim Kha	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mai Phước Nghê	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đề ngày 30 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61005161/19357308

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh


Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 30 tháng 3 năm 2018 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1



Lương Kim Diên An
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2736-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		9.053.434.391	8.045.089.077
110	I. Tiền	4	55.347.383	248.674.687
111	1. Tiền		55.347.383	248.674.687
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		462.029.308	453.795.909
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	300.322.358	300.322.358
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	161.706.950	153.473.551
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.107.033.165	6.142.890.642
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.418.883.846	1.150.259.362
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	1.140.083.263	1.834.132.705
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	763.601.528	70.814.848
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	3.790.053.023	3.093.053.100
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8	(5.668.348)	(5.675.336)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		79.853	305.963
140	IV. Hàng tồn kho	10	1.297.993.195	1.160.542.636
141	1. Hàng tồn kho		1.299.714.379	1.161.946.441
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.721.184)	(1.403.805)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		131.031.340	39.185.203
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	26.026.579	29.388.736
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	19	91.182.796	9.796.467
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	13.821.965	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		22.455.575.233	19.764.571.580
210	I. Khoản phải thu dài hạn		1.424.092.598	820.745.117
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	12	30.827.949	16.497.949
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	1.393.264.649	804.247.168
220	II. Tài sản cố định		4.760.245.484	4.391.861.306
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	864.536.487	816.574.713
222	Nguyên giá		1.433.220.287	1.250.037.003
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(568.683.800)	(433.462.290)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	3.895.708.997	3.575.286.593
228	Nguyên giá		4.000.711.818	3.634.772.514
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(105.002.821)	(59.485.921)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		589.060.048	462.628.941
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	589.060.048	462.628.941
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	16	15.565.469.615	13.950.140.861
251	1. Đầu tư vào công ty con	16.1	15.591.896.886	13.988.702.761
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	16.2	7.140.000	7.140.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16.3	62.500.369	62.500.369
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(96.067.640)	(108.202.269)
260	V. Tài sản dài hạn khác		116.707.488	139.195.355
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	116.036.689	130.145.219
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	670.799	9.050.136
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		31.509.009.624	27.809.660.657

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.755.920.862	5.074.560.813
310	I. Nợ ngắn hạn		6.752.566.869	5.063.290.503
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	2.412.316.806	2.369.647.692
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	400.401.043	112.399.589
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	23.383.053	86.763.471
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	106.246.789	95.755.114
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		798.436	1.163.883
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	21	229.651.483	91.671.958
320	7. Vay ngắn hạn	22	3.579.607.532	2.305.727.069
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		161.727	161.727
330	II. Nợ dài hạn		3.353.993	11.270.310
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	8.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		3.353.993	3.270.310
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		24.753.088.762	22.735.099.844
410	I. Vốn chủ sở hữu		24.753.088.762	22.735.099.844
411	1. Vốn cổ phần	23.1	16.580.000.000	4.145.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		16.580.000.000	4.145.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	23.1	29.878.837	2.998.618.837
415	3. Cổ phiếu quỹ	23.1	-	(6.840.000)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.1	8.143.209.925	15.598.321.007
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.661.441.007	8.187.301.291
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		4.481.768.918	7.411.019.716
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		31.509.009.624	27.809.660.657

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng

Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	31.643.141.978	43.020.227.385
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(314.998)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	31.642.826.980	43.020.227.385
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(30.448.487.412)	(41.536.383.030)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.194.339.568	1.483.844.355
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	4.569.963.905	7.332.208.603
22	7. Chi phí tài chính	26	(250.935.474)	(242.188.503)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	26	(85.322.200)	(92.092.895)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(531.231.029)	(520.832.347)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(525.380.605)	(482.435.194)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.456.756.365	7.570.596.914
31	11. Thu nhập khác	29	158.135.114	120.102.880
32	12. Chi phí khác	29	(126.775.040)	(127.778.625)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	29	31.360.074	(7.675.745)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.488.116.439	7.562.921.169
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	2.031.816	(154.702.145)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	31.3	(8.379.337)	2.800.692
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		4.481.768.918	7.411.019.716


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


Ngàn VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		4.488.116.439	7.562.921.169
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	13, 14	186.826.612	155.183.019
03	(Hoàn nhập) trích lập các khoản dự phòng		(11.824.238)	20.182.364
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.852.637	(106.794.575)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.394.949.676)	(7.093.447.048)
06	Chi phí lãi vay	26	85.322.200	92.092.895
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		355.343.974	630.137.824
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(1.152.517.730)	2.236.542.975
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(143.928.296)	239.675.295
11	Tăng các khoản phải trả		658.189.316	586.102.944
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		15.562.372	(57.949.701)
14	Tiền lãi vay đã trả		(83.771.307)	(91.162.592)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19	(53.087.671)	(113.717.118)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(404.209.342)	3.429.629.627
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(674.991.375)	(1.597.945.534)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		883.167	3.179.452
23	Tiền gửi ngân hàng và cho đơn vị khác vay		(716.286.079)	(61.683.151)
24	Tiền thu hồi khoản cho vay		936.000	2.973.051
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.594.077.528)	(9.461.636.180)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		14.100.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay và cổ tức nhận được		4.386.119.320	7.113.388.860
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		1.416.683.505	(4.001.723.502)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		22.500.000	1.350.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		8.033.395.778	10.256.242.664
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(6.775.760.631)	(9.670.375.263)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	23.4	(2.485.935.561)	(1.244.882.216)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		(1.205.800.414)	690.985.185
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(193.326.251)	118.891.310
60	Tiền đầu năm		248.674.687	129.783.968
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.053)	(591)
70	Tiền cuối năm	4	55.347.383	248.674.687


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Trần Bá Dương
Chủ tịch



Ngày 30 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Số 80 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 47 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 5.302 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 6.123 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đề ngày 30 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là kế toán trên máy vi tính.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|---|---|---|
| Nguyên vật liệu, phụ tùng thay thế, và công cụ, dụng cụ | - | giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan. |
| Xe các loại | - | giá mua theo phương pháp thực tế đích danh. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty nắm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm tất cả chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính và bản quyền	3 - 8 năm
Tài sản khác	3 - 8 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu trừ theo số năm phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong khi quyền sử dụng đất vô thời hạn sẽ không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các phòng trưng bày và trung tâm thương mại xe của Công ty mà các công trình này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.12 Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.13 Chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

3.14 Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.18 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.19 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Thu nhập cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

3.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	8.848.178	27.890.969
Tiền gửi ngân hàng	43.775.685	220.653.718
Tiền đang chuyển	2.723.520	130.000
TỔNG CỘNG	55.347.383	248.674.687

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Các giao dịch không bằng tiền trọng yếu được loại ra khỏi báo cáo lưu chuyển tiền tệ:		
Lợi nhuận chuyển về từ các công ty con được cân trừ với công nợ	1.271.215.620	1.044.970.642

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngàn VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư ủy thác vào cổ phiếu	300.322.358	300.322.358	300.322.358	300.322.358

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng ngắn hạn (i)	<u>161.706.950</u>	<u>153.473.551</u>
(i) Khoản này thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc từ ba (3) tháng trở lên và không quá một (1) năm, và hưởng lãi suất tiền gửi có thể áp dụng.		

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên khác	1.372.174.637	1.053.940.816
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	<u>46.709.209</u>	<u>96.318.546</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.418.883.846</u>	<u>1.150.259.362</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(603.500)</u>	<u>(610.488)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>1.418.280.346</u>	<u>1.149.648.874</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(610.488)	(583.825)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(78.500)	(26.663)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>85.488</u>	<u>-</u>
Số cuối năm	<u>(603.500)</u>	<u>(610.488)</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước mua cổ phiếu	232.000.000	1.114.000.000
Trả trước mua quyền sử dụng đất	699.236.447	555.401.343
Trả trước đầu tư phòng trưng bày và tài sản	143.865.620	-
Trả trước mua hàng hóa và dịch vụ	<u>64.981.196</u>	<u>164.731.362</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.140.083.263</u>	<u>1.834.132.705</u>
Trong đó:		
Trả trước mua cổ phần cho cổ đông cá nhân Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	-	882.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	170.000.000	170.000.000
Khác	<u>957.813.573</u>	<u>782.132.705</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	660.536.680	61.670.000
Bên khác	103.064.848	9.144.848
- Công ty TNHH Ngọc Thy	98.000.000	-
- Khác	5.064.848	9.144.848
TỔNG CỘNG	763.601.528	70.814.848
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.064.848)	(5.064.848)
GIÁ TRỊ THUẦN	758.536.680	65.750.000

9. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	3.790.053.023	3.093.053.100
Lợi nhuận được chia từ các công ty con	1.260.536.688	2.522.386.971
Thanh toán hộ LC ủy thác	971.119.884	119.649.952
Tạm ứng cho nhân viên (i)	874.498.386	309.790.979
Thanh toán hộ dự án Fuso	608.378.041	-
Ký quỹ mở thư tín dụng	9.511.108	10.256.467
Chi hộ các công ty con	6.862.059	106.024.010
Khác	59.146.857	24.944.721
Dài hạn	1.393.264.649	804.247.168
Ứng tiền xây dựng văn phòng (ii)	1.381.968.705	802.100.997
Ký quỹ, ký cược	11.295.944	2.146.171
TỔNG CỘNG	5.183.317.672	3.897.300.268
<i>Trong đó:</i>		
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	4.263.160.710	3.550.161.930
Bên khác	920.156.962	347.138.338

(i) Đây là các khoản tạm ứng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Đây là khoản ứng trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh để xây dựng Khu cao ốc văn phòng, thương mại, dịch vụ Thaco theo Hợp đồng số 0717/2015/HĐHT-ĐQM-THACO ngày 1 tháng 7 năm 2015.

10. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa và xe các loại	1.058.929.694	(721.239)	762.693.980	(721.410)
Nguyên vật liệu	144.801.173	(999.945)	117.300.480	(682.395)
Hàng mua đang đi trên đường	79.430.891	-	261.168.771	-
Công cụ, dụng cụ	9.784.573	-	10.674.960	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.768.048	-	10.108.250	-
TỔNG CỘNG	1.299.714.379	(1.721.184)	1.161.946.441	(1.403.805)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

10. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	1.403.805	1.166.150
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.067.607	793.615
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(750.228)	(555.960)
Số cuối năm	<u>1.721.184</u>	<u>1.403.805</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn	26.026.579	29.388.736
Công cụ, dụng cụ đang dùng	14.262.427	19.612.075
Chi phí bảo trì	1.913.788	2.070.691
Chi phí thuê nhà xưởng, văn phòng	1.828.245	2.470.371
Khác	8.022.119	5.235.599
Dài hạn	116.036.689	130.145.219
Chi phí bảo trì	38.263.854	41.187.294
Chi phí bồi thường	34.546.577	37.466.007
Công cụ, dụng cụ đang dùng	28.738.687	36.298.425
Khác	14.487.571	15.193.493
TỔNG CỘNG	<u>142.063.268</u>	<u>159.533.955</u>

12. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cho các bên khác vay	<u>30.827.949</u>	<u>16.497.949</u>

Chi tiết khoản vay cho các bên khác vay như sau :

<i>Bên vay</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	<i>Ngàn VND</i>			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ô tô Hoàng Gia	15.977.949	5 năm từ ngày 31 tháng 12 năm 2014	Lãi suất thỏa thuận	Tín chấp
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Đức Thành	7.425.000	3 năm từ ngày 24 tháng 11 năm 2017	Lãi suất thỏa thuận	Tín chấp
Nguyễn Thị Phương Thành	7.425.000	3 năm từ ngày 24 tháng 11 năm 2017	Lãi suất thỏa thuận	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>30.827.949</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND					
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	934.049.418	61.419.637	176.134.173	68.657.290	9.776.485	1.250.037.003
Mua mới trong năm	7.792.038	14.556.622	762.955	13.276.556	451.118	36.839.289
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	123.511.188	2.286.486	25.085.298	584.225	2.383.148	153.850.345
Thanh lý	(3.362.348)	(1.897.445)	(1.332.993)	(827.517)	(86.047)	(7.506.350)
Số cuối năm	<u>1.061.990.296</u>	<u>76.365.300</u>	<u>200.649.433</u>	<u>81.690.554</u>	<u>12.524.704</u>	<u>1.433.220.287</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	65.835.874	18.953.790	34.848.182	25.047.986	1.573.149	146.258.981
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	287.321.584	31.951.783	73.263.842	37.571.840	3.353.241	433.462.290
Khấu hao trong năm	86.159.382	9.921.429	27.055.745	15.698.607	2.474.549	141.309.712
Thanh lý	(2.311.240)	(1.912.515)	(1.089.603)	(712.609)	(62.235)	(6.088.202)
Số cuối năm	<u>371.169.726</u>	<u>39.960.697</u>	<u>99.229.984</u>	<u>52.557.838</u>	<u>5.765.555</u>	<u>568.683.800</u>
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	<u>646.727.834</u>	<u>29.467.854</u>	<u>102.870.331</u>	<u>31.085.450</u>	<u>6.423.244</u>	<u>816.574.713</u>
Số cuối năm	<u>690.820.570</u>	<u>36.404.603</u>	<u>101.419.449</u>	<u>29.132.716</u>	<u>6.759.149</u>	<u>864.536.487</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VND				
	<i>Quyền sử dụng đất lâu dài</i>	<i>Quyền sử dụng đất có thời hạn</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Bản quyền</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	2.493.061.155	1.121.848.969	19.441.212	421.178	3.634.772.514
Mua mới trong năm	-	-	4.871.448	-	4.871.448
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	42.646.903	318.420.953	-	-	361.067.856
Phân loại lại	114.659.534	(114.659.534)	-	-	-
Số cuối năm	<u>2.650.367.592</u>	<u>1.325.610.388</u>	<u>24.312.660</u>	<u>421.178</u>	<u>4.000.711.818</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	-	13.479.874	421.178	13.901.052
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	-	44.627.310	14.437.433	421.178	59.485.921
Hao mòn trong năm	-	42.887.594	2.629.306	-	45.516.900
Số cuối năm	-	<u>87.514.904</u>	<u>17.066.739</u>	<u>421.178</u>	<u>105.002.821</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>2.493.061.155</u>	<u>1.077.221.659</u>	<u>5.003.779</u>	-	<u>3.575.286.593</u>
Số cuối năm	<u>2.650.367.592</u>	<u>1.238.095.484</u>	<u>7.245.921</u>	-	<u>3.895.708.997</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hệ thống phòng trưng bày xe ô tô	302.006.675	377.715.022
Trung tâm thương mại xe	263.814.850	77.557.685
Khác	23.238.523	7.356.234
TỔNG CỘNG	589.060.048	462.628.941

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 16.1</i>)	15.591.896.886	13.988.702.761
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 16.2</i>)	7.140.000	7.140.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 16.3</i>)	62.500.369	62.500.369
TỔNG CỘNG	15.661.537.255	14.058.343.130
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(96.067.640)	(108.202.269)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự phòng đầu tư vào công ty con</i>	(96.067.640)	(66.221.900)
<i>Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác</i>	-	(41.980.369)
GIÁ TRỊ THUẦN	15.565.469.615	13.950.140.861

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Mua bán bất động sản	Đang hoạt động	84,85	10.224.157.125	90	10.224.157.125
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Thaco - Mazda	Sản xuất ô tô	Trước hoạt động	100	957.850.969	-	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công Nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp	Đang hoạt động	100	600.000.000	100	350.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Tải Chu Lai Trường Hải	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	565.225.169	100	565.225.169
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du lịch Trường Hải Kia	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	500.000.000	100	500.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus Thaco	Sản xuất ô tô	Trước hoạt động	100	350.000.000	100	184.323.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Cung cấp vật tư, thiết bị	Đang hoạt động	99,99	305.692.553	99,99	305.692.553
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100	200.000.000	100	200.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Khách Trường Hải	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	150.000.000	100	150.000.000
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai - Trường Hải	Dịch vụ vận tải	Đang hoạt động	100	120.000.000	100	120.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện Nhựa THACO	Sản xuất phụ tùng	Trước hoạt động	100	110.762.095	-	-
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Bình Dương	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	108.604.000	100	108.604.000
Công ty TNHH Sản xuất & Lắp ráp Ô tô Cao cấp Thaco	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	100.000.000	100	100.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau (tiếp theo):

	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
			(%)	Ngàn VND	(%)	Ngàn VND
Công ty TNHH MTV Vận tải - Giao nhận - Phân phối Ô tô Chu Lai Trường Hải	Phân phối ô tô	Đang hoạt động	100	100.000.000	100	100.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc Bộ Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100	87.893.147	100	87.893.147
Công ty TNHH MTV Soosung Motors Technology	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	75	82.646.620	75	82.646.620
Công ty TNHH MTV Sản xuất Nhíp Ô tô Chu Lai Trường Hải	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	100	80.000.000	100	80.000.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Chu Lai Trường Hải	Dịch vụ vận tải biển	Đang hoạt động	100	70.000.000	100	70.000.000
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Phú Yên	Mua bán ô tô	Trước hoạt động	100	60.000.000	100	36.000.000
Công ty Cổ phần Trường Hải Đức Thành	Mua bán ô tô	Trước hoạt động	77,5	51.150.000	77,5	-
Công ty TNHH MTV Phân phối Ô tô Du lịch Chu Lai Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	50.000.000	100	50.000.000
Công ty TNHH MTV Gia công Thép Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất thép	Đang hoạt động	100	50.000.000	100	50.000.000
Công ty TNHH Sản xuất xe Chuyên dụng Thaco	Sản xuất Somi rơmoóc	Đang hoạt động	51	45.900.000	100	60.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100	44.331.950	100	44.331.950
Công ty TNHH MTV Sản xuất Khuôn Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	100	44.100.000	100	44.100.000
Công ty TNHH MTV Trường Hải Nghệ An	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	40.409.360	100	40.409.360
Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh kiện Nội thất Thaco	Mua bán phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	100	40.000.000	100	40.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau (tiếp theo):

	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
			(%)	Ngàn VND	(%)	Ngàn VND
Công ty TNHH Thái Nguyên - Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	38.500.000	100	38.500.000
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Quảng Bình	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	35.786.878	100	29.629.415
Công ty TNHH MTV Huế - Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	34.630.001	100	25.000.000
Trường Cao đẳng Nghề Chu Lai - Trường Hải	Đào tạo	Đang hoạt động	100	33.105.970	100	33.105.970
Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Diệu Bằng	Thương mại	Đang hoạt động	100	32.500.000	100	32.500.000
Công ty Cổ phần Vũng Tàu Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	99,8	31.886.597	51	8.670.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải - Bình Phước	Dịch vụ vận tải	Đang hoạt động	100	30.000.000	100	30.000.000
Công ty TNHH MTV Phụ tùng Trường Hải	Mua bán phụ tùng ô tô	Tạm dừng hoạt động	100	30.000.000	100	30.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ điện Chu Lai Trường Hải	Sản xuất cơ điện	Đang hoạt động	100	20.000.000	100	20.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Chu Lai Trường Hải	Xây dựng	Đang hoạt động	100	20.000.000	100	20.000.000
Công ty TNHH MTV Trường Phú	Thương mại	Đang hoạt động	100	15.213.500	100	15.213.500
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Hà Nam	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	15.150.000	100	15.150.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Kính Ô tô Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất kính	Đang hoạt động	100	15.000.000	100	15.000.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải	Vận tải - Giao nhận - Phân phối	Đang hoạt động	100	15.000.000	100	15.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy lạnh Thaco	Sản xuất phụ tùng	Trước hoạt động	60	13.800.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau (tiếp theo):

	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
			(%)	Ngàn VND	(%)	Ngàn VND
Công ty TNHH Sản xuất Máy lạnh Ô tô Vina	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	51	11.475.000	51	11.475.000
Công ty TNHH Sản xuất Phụ tùng Ô tô	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	49	10.584.000	49	10.584.000
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Điện lạnh Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100	10.000.000	100	10.000.000
Công ty TNHH MTV Truyền thông Đa phương tiện Trường Hải	Quảng cáo	Đang hoạt động	100	10.000.000	100	10.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh kiện Composite Chu Lai Trường Hải	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	100	10.000.000	100	10.000.000
Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Vĩnh Phúc	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	6.000.000	100	6.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Phụ Tùng Điện Ô tô	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	51	5.355.000	51	5.355.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy Nông nghiệp THACO	Sản xuất máy móc	Trước hoạt động	100	5.050.000	-	-
Công ty TNHH MTV Hóa chất Chuyên dụng Chu Lai Trường Hải	Sản xuất keo	Đang hoạt động	100	2.878.455	100	2.878.455
Công ty TNHH MTV Bắc Ninh Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	1.258.497	100	1.258.497
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Xe Tải Thaco	Sản xuất ô tô	Trước hoạt động	100	-	100	-
TỔNG CỘNG				15.591.896.886		13.988.702.761
Dự phòng đầu tư vào công ty con				(96.067.640)		(66.221.900)
GIÁ TRỊ THUẬN				15.495.829.246		13.922.480.861

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
	(%)	Ngàn VND	(%)	Ngàn VND
Công ty TNHH Ô tô Thaco - Kia Đà Nẵng	50	4.500.000	50	4.500.000
Công ty TNHH Thương mại Vô xe Triều Hải	30	2.640.000	30	2.640.000
TỔNG CỘNG		7.140.000		7.140.000

16.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	Giá gốc	Số cổ phần	Giá gốc
		Ngàn VND		Ngàn VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank)	3.727.800	62.500.369	3.420.000	62.500.369
Dự phòng đầu tư dài hạn khác		-		(41.980.369)
GIÁ TRỊ THUẬN		62.500.369		20.520.000

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người bán khác	993.765.434	1.487.662.640
- Mazda Motor Corporation (*)	669.334.330	1.026.116.526
- Kia Motors Corporation (*)	197.814.334	251.768.795
- Người bán khác	126.616.770	209.777.319
Các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	1.418.551.372	881.985.052
TỔNG CỘNG	2.412.316.806	2.369.647.692

(*) Đây là các khoản phải trả liên quan đến việc mua hàng được thực hiện dưới hình thức thư tín dụng trả chậm thanh toán ngay (UPAS L/C) phát hành bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam và Sumitomo Mitsui Banking Corporation.

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	271.474.392	-
Bên khác	128.926.651	112.399.589
TỔNG CỘNG	400.401.043	112.399.589

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	20.421.059	3.616.278.999	(3.719.882.692)	(83.182.634)
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	45.847.828	11.790.151	(53.087.671)	4.550.308
Thuế TNDN nộp thừa	-	(13.821.965)	-	(13.821.965)
Thuế thu nhập cá nhân	2.029.399	33.083.366	(27.669.724)	7.443.041
Thuế nhập khẩu	8.649.251	536.181.901	(541.490.175)	3.340.977
Khác	19.467	1.345.911	(1.316.813)	48.565
TỔNG CỘNG	76.967.004	4.184.858.363	(4.343.447.075)	(81.621.708)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu</i>	<i>9.796.467</i>			<i>105.004.761</i>
<i>Phải nộp</i>	<i>86.763.471</i>			<i>23.383.053</i>

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương tháng 13 và lương năng suất	95.370.834	86.368.243
Chi phí lãi vay	3.464.145	1.913.252
Khác	7.411.810	7.473.619
TỔNG CỘNG	106.246.789	95.755.114

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	212.346.854	50.064.741
Kinh phí công đoàn	8.286.605	8.545.603
Cổ tức phải trả	970.031	625.592
Phải trả liên quan đến dự án khoa học và công nghệ	-	6.565.199
Khác	8.047.993	25.870.823
TỔNG CỘNG	229.651.483	91.671.958

22. VAY NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngân hàng (*)	3.416.519.911	2.301.812.285
Vay từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>) (**)	160.000.000	-
Vay từ cá nhân	3.087.621	3.914.784
TỔNG CỘNG	3.579.607.532	2.305.727.069

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

22. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

(*) Công ty vay các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>Ngàn VND</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	978.456.749	4 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng Mizuho - Chi nhánh Hà Nội	842.454.216	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	648.772.375	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	350.000.000	5 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng Citi Bank (Việt nam) – Chi nhánh thành phố Hà Nội	210.669.607	3 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	139.593.928	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng BNP Parisbas – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	129.393.697	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	79.268.269	150 ngày kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Singapore)	19.794.119	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng Fubon Đài Loan - Chi nhánh Hồ Chí Minh	18.116.951	180 ngày kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
TỔNG CỘNG	3.416.519.911			

(**) Đây là khoản vay tín chấp ngắn hạn từ bên liên quan nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Khoản vay này có thời hạn thanh toán 3 tháng kể từ ngày nhận nợ vay và lãi suất là 5%/năm.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND				
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước:					
Số đầu năm	3.845.000.000	1.948.618.837	(6.840.000)	9.430.261.291	15.217.040.128
Tăng vốn	300.000.000	1.050.000.000	-	-	1.350.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	7.411.019.716	7.411.019.716
Cổ tức công bố	-	-	-	(1.242.960.000)	(1.242.960.000)
Số cuối năm	<u>4.145.000.000</u>	<u>2.998.618.837</u>	<u>(6.840.000)</u>	<u>15.598.321.007</u>	<u>22.735.099.844</u>
Năm nay:					
Số đầu năm	4.145.000.000	2.998.618.837	(6.840.000)	15.598.321.007	22.735.099.844
Tăng vốn (*)	12.435.000.000	(2.984.400.000)	-	(9.450.600.000)	-
Phát hành cổ phiếu quỹ	-	15.660.000	6.840.000	-	22.500.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	4.481.768.918	4.481.768.918
Cổ tức công bố	-	-	-	(2.486.280.000)	(2.486.280.000)
Số cuối năm	<u>16.580.000.000</u>	<u>29.878.837</u>	<u>-</u>	<u>8.143.209.925</u>	<u>24.753.088.762</u>

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 1.243.500.000 cổ phiếu phổ thông trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 03/2017/NQ-DHDCD/THACO ngày 16 tháng 11 năm 2017. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 4.145.000.000 ngàn VND lên 16.580.000.000 ngàn VND và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai phê duyệt theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh ngày 4 tháng 1 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Vốn cổ phần

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng cổ phiếu	Ngàn VND	%	Số lượng cổ phiếu	Ngàn VND	%
Cổ đông tổ chức	1.429.319.748	14.293.197.480	86,21	357.125.488	3.571.254.880	86,16
Cổ đông cá nhân	228.680.252	2.286.802.520	13,79	57.194.512	571.945.120	13,80
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	180.000	1.800.000	0,04
TỔNG CỘNG	1.658.000.000	16.580.000.000	100,00	414.500.000	4.145.000.000	100,00

23.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	1.658.000.000	414.500.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.658.000.000 1.658.000.000	414.500.000 414.500.000
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	- -	(180.000) (180.000)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.658.000.000 1.658.000.000	414.320.000 414.320.000

Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 VND/cổ phiếu.

23.4 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	4.145.000.000	3.845.000.000
Tăng vốn trong năm	12.435.000.000	300.000.000
Số cuối năm	16.580.000.000	4.145.000.000
Cổ tức		
Cổ tức đã trả bằng tiền trong năm	2.485.935.561	1.244.882.216
Cổ tức công bố bằng tiền	2.486.280.000	1.242.960.000
Cổ tức công bố bằng cổ phiếu	12.435.000.000	300.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Doanh thu gộp	31.643.141.978	43.020.227.385
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán xe các loại</i>	26.124.898.740	33.530.508.765
<i>Doanh thu bán phụ tùng</i>	4.176.033.337	8.509.967.008
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	1.246.041.710	913.071.556
<i>Khác</i>	96.168.191	66.680.056
Các khoản giảm trừ doanh thu	(314.998)	-
<i>Hàng bán trả lại</i>	(314.998)	-
DOANH THU THUẦN	31.642.826.980	43.020.227.385
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán xe các loại</i>	26.124.898.740	33.530.508.765
<i>Doanh thu bán phụ tùng</i>	4.175.718.339	8.509.967.008
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	1.246.041.710	913.071.556
<i>Khác</i>	96.168.191	66.680.056
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	27.126.826.382	34.327.161.375
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	4.516.000.598	8.693.066.010

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Thu nhập từ cổ tức	4.363.846.626	7.111.974.459
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	174.478.348	206.937.130
Lãi cho vay	23.077.951	736.831
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.560.081	677.570
Khác	899	11.882.613
TỔNG CỘNG	4.569.963.905	7.332.208.603

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Giá vốn xe các loại đã bán	25.200.098.997	32.233.752.104
Giá vốn phụ tùng đã bán	4.099.047.962	8.395.703.786
Giá vốn dịch vụ cung cấp	1.087.144.576	853.578.156
Khác	62.195.877	53.348.984
TỔNG CỘNG	30.448.487.412	41.536.383.030

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Lỗ chênh lệch tỷ giá	177.747.903	130.177.562
Lãi vay	85.322.200	92.092.895
(Hoàn nhập) trích lập dự phòng đầu tư tài chính	(12.134.629)	19.918.046
TỔNG CỘNG	<u>250.935.474</u>	<u>242.188.503</u>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Chi phí lương	251.242.273	230.196.132
Công cụ, dụng cụ	49.034.533	58.317.555
Chi phí quảng cáo	57.550.615	56.663.379
Chi phí khấu hao và hao mòn	45.136.165	42.940.951
Chi phí giao hàng	40.064.674	44.980.030
Chi phí thuê	25.855.337	20.130.800
Khác	62.347.432	67.603.500
TỔNG CỘNG	<u>531.231.029</u>	<u>520.832.347</u>

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Chi phí lương	248.984.190	248.002.993
Chi phí dịch vụ mua ngoài	167.789.957	150.703.938
Chi phí khấu hao và hao mòn	80.411.794	56.541.681
Công cụ, dụng cụ	10.081.422	13.452.526
Khác	18.113.242	13.734.056
TỔNG CỘNG	<u>525.380.605</u>	<u>482.435.194</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

29. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	158.135.114	120.102.880
Hoàn thuế	60.132.169	-
Thu nhập dịch vụ đăng kí xe ô tô	28.782.134	58.074.450
Thu nhập từ hoạt động cho thuê	18.422.600	20.915.998
Chi phí trả hộ	11.976.200	19.961.632
Khác	38.822.011	21.150.800
Chi phí khác	(126.775.040)	(127.778.625)
Xóa sổ tài sản cố định	(107.340.727)	-
Chi phí trả hộ	(8.787.721)	(19.908.773)
Chi phí hoạt động cho thuê	(6.758.382)	(6.603.603)
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	(1.917.855)	(19.941.812)
Chi phí dịch vụ đăng kí xe ô tô	(998.717)	(1.724.167)
Khác	(971.638)	(79.600.270)
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC	31.360.074	(7.675.745)

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hàng hóa	30.048.802.261	41.176.492.407
Chi phí dịch vụ mua ngoài	754.674.993	695.220.074
Chi phí lương	429.768.271	400.358.460
Chi phí khấu hao và hao mòn	180.738.410	155.183.019
Khác	91.115.111	112.396.611
TỔNG CỘNG	31.505.099.046	42.539.650.571

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.790.149	113.414.029
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	(13.821.965)	41.288.116
Chi phí thuế TNDN năm nay	(2.031.816)	154.702.145
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	8.379.337	(2.800.692)
TỔNG CỘNG	6.347.521	151.901.453

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.488.116.439	7.562.921.169
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	897.623.288	1.512.584.234
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(872.769.325)	(1.422.394.892)
Hoàn thuế	(12.026.434)	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	5.024.568	20.423.995
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	2.303.813	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	13.576	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích (dư) thiếu trong những năm trước	(13.821.965)	41.288.116
Chi phí thuế TNDN	6.347.521	151.901.453

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

31.3 Tài sản thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Ngàn VND			
	<u>Bảng cân đối kế toán riêng</u>		<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Dự phòng trợ cấp thôi việc	670.799	654.062	16.737	64.718
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	8.396.074	(8.396.074)	2.735.974
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	670.799	9.050.136		
Lợi ích (chi phí) thuế TNDN hoãn lại			(8.379.337)	2.800.692

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Phân phối Xe Ô tô Du lịch Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	17.541.597.485	20.798.160.775
		Bán hàng hóa	5.007.126.381	8.425.132.045
		Lợi nhuận nhận được	745.146.150	1.442.406.075
		Cung cấp dịch vụ	74.190.622	34.677.893
		Mua tài sản cố định	7.041.108	-
		Sử dụng dịch vụ	2.824.560	6.542.291
Công ty TNHH MTV Vận tải - Giao nhận - Phân phối Ô tô Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	10.157.136.640	11.638.870.143
		Lợi nhuận nhận được	335.244.617	427.431.818
		Bán hàng hóa	263.062.319	24.159.496
		Cung cấp dịch vụ	53.389.370	39.080.885
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Tải Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận nhận được	1.007.555.805	1.277.049.562
		Bán hàng hóa	68.263.495	-
		Cung cấp dịch vụ	1.465.084	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Thaco - Mazda	Công ty con	Góp vốn	856.883.323	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Khách Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận nhận được	684.230.039	842.785.326
		Bán hàng hóa	25.170.598	-
Công ty TNHH Sản xuất & Lắp ráp Ô tô Cao cấp Thaco	Công ty con	Lợi nhuận nhận được	662.910.516	1.746.849.570
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus Thaco	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	6.763.964	-
		Cho vay	292.084.000	-
		Góp vốn	165.677.000	184.323.000
		Bán hàng hóa	25.374.064	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lãi cho vay	3.840.786	-
		Góp vốn	250.000.000	-
		Cho vay	73.585.000	35.470.000
		Lợi nhuận nhận được	41.258.510	-
		Lãi cho vay	8.112.593	101.094
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	1.712.748	1.549.031
		Lợi nhuận nhận được	180.308.858	301.922.923
		Bán hàng hóa	8.587.057	-
		Cung cấp dịch vụ	645.035	-
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cho vay	166.040.000	26.200.000
		Lợi nhuận nhận được	112.656.156	-
		Lãi cho vay	6.980.742	189.315
		Cung cấp dịch vụ	225.223	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Ngàn VND	
				Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện nhựa THACO	Công ty con	Góp vốn	110.762.095	-	-
		Cung cấp dịch vụ	22.934	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư - Thiết bị	Công ty con	Lợi nhuận nhận được	71.062.203	33.700.317	-
		Bán hàng hóa	25.699.680	33.638.364	-
		Mua hàng hóa	4.010.040	9.292.220	-
		Sử dụng dịch vụ	3.222.951	2.739.356	-
		Mua tài sản cố định	-	402.314	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Nhíp Ô tô Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận nhận được	68.429.988	56.913.414	-
		Bán hàng hóa	16.025	-	-
Công ty TNHH MTV Cơ điện Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận nhận được	53.639.576	24.777.154	-
		Mua tài sản cố định	27.381.724	-	-
		Bán hàng hóa	3.178.964	-	-
		Sử dụng dịch vụ	996.418	8.270.045	-
		Cung cấp dịch vụ	158.077	108.050	-
Công ty Cổ phần Trường Hải Đức Thành	Công ty con	Góp vốn	51.150.000	-	-
Công ty TNHH MTV Trường Hải Phú Yên	Công ty con	Cho vay	50.957.680	-	-
		Góp vốn	24.000.000	36.000.000	-
		Lãi cho vay	153.571	-	-
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du lịch Trường Hải Kia	Công ty con	Lợi nhuận nhận được	50.693.445	472.765.925	-
		Bán hàng hóa	9.874.053	-	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận nhận được	47.401.849	105.592.028	-
		Cung cấp dịch vụ	7.446.602	4.620.265	-
		Sử dụng dịch vụ	6.269.654	8.100.133	-
		Mua tài sản cố định	-	24.115	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc Bộ Trường Hải	Công ty con	Bán hàng hóa	35.183.149	20.797.634	-
		Mua hàng hóa	29.332.422	15.436.685	-
		Lợi nhuận nhận được	22.206.504	15.900.626	-
		Mua tài sản cố định	10.043.504	-	-
		Sử dụng dịch vụ	3.202.216	6.537.290	-
		Cung cấp dịch vụ	522.397	87.977	-
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Bình Dương	Công ty con	Bán hàng hóa	24.678.797	22.713.693	-
		Lợi nhuận nhận được	19.851.389	19.325.506	-
		Mua hàng hóa	7.014.562	17.157.091	-
		Cung cấp dịch vụ	776.860	-	-
		Sử dụng dịch vụ	41.504	-	-
Mua tài sản cố định	-	39.619	-		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Ngàn VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Diệu Bằng.	Công ty con	Bán hàng hóa	16.239.930	15.470.797
Công ty TNHH MTV Trường Phú.	Công ty con	Bán hàng hóa	14.754.806	14.685.180
Công ty TNHH Công nghệ Ô tô Soosung.	Công ty con	Bán hàng hóa	4.602.364	4.610.486
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải - Bình Phước.	Công ty con	Bán hàng hóa	3.413.584	2.224.201
Công ty TNHH Ô tô Thaco - Kia Đà Nẵng.	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	2.387.568	2.387.568
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải.	Công ty con	Bán hàng hóa	1.219.182	243.294
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Khách Trường Hải.	Công ty con	Bán hàng hóa	854.478	282.275
Công ty TNHH MTV Trường Hải Nghệ An.	Công ty con	Bán hàng hóa	490.000	15.706.571
Công ty TNHH MTV Bắc Ninh Trường Hải.	Công ty con	Bán hàng hóa	436.950	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải.	Công ty con	Bán hàng hóa	414.847	-
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Bình Dương.	Công ty con	Bán hàng hóa	374.606	26.526.711
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc bộ Trường Hải.	Công ty con	Bán hàng hóa	-	6.553.345
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Quảng Bình.	Công ty con	Bán hàng hóa	-	3.060.471
Công ty TNHH Sản xuất & Lắp ráp Ô tô Cao cấp Thaco.	Công ty con	Bán hàng hóa	-	1.792.999
Các bên liên quan khác	Công ty con	Bán hàng hóa	1.520.894	2.774.648
TỔNG CỘNG			46.709.209	96.318.546
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Phân phối Xe Ô tô Du lịch Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Ứng trước mua xe và quyền chọn	11.839.807	-
Công Ty TNHH MTV Cơ điện Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Ứng trước mua quyền chọn	409.883	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc Bộ Trường Hải	Công ty con	Ứng trước mua quyền chọn	20.000	-
TỔNG CỘNG			12.269.690	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Ngàn VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công Ty TNHH MTV Sản xuất xe Bus THACO	Công ty con	Cho vay	292.084.000	-
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cho vay	201.510.000	26.200.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cho vay	99.785.000	35.470.000
Công ty TNHH MTV Trường Hải -Phú Yên	Công ty con	Cho vay	50.957.680	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất khuôn Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cho vay	16.200.000	-
TỔNG CỘNG			660.536.680	61.670.000
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus THACO	Công ty con	Thanh toán hệ LC ủy thác	415.163.472	45.446.065
		Thanh toán hệ dự án Fuso	305.596.288	-
		Lãi cho vay	956.239	-
Công Ty TNHH MTV Sản Xuất Ô tô Thaco – Mazda	Công ty con	Thanh toán hệ LC ủy thác	439.813.920	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Tải Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được chia	393.631.525	404.816.530
		Thanh toán hệ dự án Fuso	302.781.753	-
Công ty TNHH MTV Vận tải - Giao nhận - Phân phối Ô tô Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được chia	173.568.579	198.037.404
		Chi hệ	-	13.039
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được chia	137.760.215	25.104.059
		Thanh toán hệ LC ủy thác	42.687.699	5.506.586
		Chi hệ	650.637	515.638
		Lãi cho vay	850.724	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được chia	67.877.853	26.619.343
		Lãi cho vay	967.741	-
		Chi hệ	-	7.318.603
Công ty TNHH MTV Cơ điện Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được chia	65.763.558	34.890.168
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô khách Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được chia	53.326.969	393.337.621
		Chi hệ	44.658	124.890
		Thanh toán hệ LC ủy thác	-	926.416

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Xây dựng Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được chia Chi hộ	42.140.095 17.057	17.639.977 25.651
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được chia Chi hộ	40.997.693 -	46.163.224 525.555
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Bình Dương	Công ty con	Lợi nhuận được chia Chi hộ	39.171.055 -	19.325.506 17.170
Công ty TNHH MTV Sản xuất Nhíp Ô tô Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được chia Chi hộ	35.903.886 19.566	19.146.803 18.568
Công ty TNHH MTV Sản xuất Khuôn Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Thanh toán hộ ủy thác LC Chi hộ Lãi cho vay	32.868.729 185.978 66.575	32.868.729 9.961 -
Công ty TNHH MTV Gia công Thép Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được chia Chi hộ	32.844.829 15.433	18.454.715 65.954
Công ty TNHH Sản xuất Máy lạnh THACO	Công ty con	Thanh toán hộ ủy thác LC Chi hộ	29.795.346 2.772	- -
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải - Bình Phước	Công ty con	Chi hộ Lợi nhuận được chia	23.232.965 50.441	22.488.437 50.441
Công ty TNHH MTV Sản xuất Kính Ô tô Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được chia Chi hộ	20.943.186 3.841	15.413.679 16.776
Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh kiện Composite Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được chia Chi hộ	18.091.738 50.199	11.116.893 8.903
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện Nội thất Ô tô THACO	Công ty con	Lợi nhuận được chia Chi hộ	17.819.909 27.046	- -
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được chia	16.105.506	20.758.926
Công ty TNHH MTV Trường Hải Nghệ An	Công ty con	Lợi nhuận được chia Chi hộ	14.051.207 151.858	20.228.344 37.072
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Vĩnh Phúc	Công ty con	Lợi nhuận được chia Chi hộ	13.909.347 2.608.551	21.489.513 325.940

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				Ngàn VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)					
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được chia Chi hộ	13.192.846 112.891	125.393.495 27.990	
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc bộ Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được chia	13.185.183	8.168.029	
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được chia Chi hộ	12.879.395 154.136	20.160.043 -	
Công Ty TNHH Sản xuất Linh kiện Nhựa THACO	Công ty con	Thanh toán hộ ủy thác LC	10.791.642	-	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Công ty con	Lợi nhuận được chia Chi hộ	10.714.876 324.483	21.648.974 -	
Công Ty Cổ Phần Vững Tàu Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được chia Chi hộ	9.122.320 45.708	- -	
Công ty TNHH MTV Trường Phú	Công ty con	Chi hộ	9.088.145	-	
Công ty TNHH MTV Hóa chất Chuyên dụng Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được chia Chi hộ	6.649.377 10.195	8.424.006 6.633	
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Điện lạnh Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được chia Chi hộ	6.448.686 20.568	11.732.173 8.935	
Công ty TNHH MTV Bắc Ninh - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được chia Chi hộ	3.755.788 42.333	3.385.763 27.520	
Công ty TNHH MTV Trường Hải Phú Yên	Công ty con	Chi hộ	46.836	66.924.537	
Công ty TNHH Thái Nguyên Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được chia Chi hộ	17.755 -	3.215.371 18.549	
Công ty TNHH Sản xuất & Lắp ráp Ô tô Cao cấp Thaco	Công ty con	Chi hộ Thanh toán hộ ủy thác LC Lợi nhuận được chia	600 - -	23.433 34.902.157 169.802.864	
Công ty TNHH MTV Phân phối Xe Ô tô Du lịch Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được chia	-	766.010.052	
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du lịch Trường Hải Kia	Công ty con	Lợi nhuận được chia	-	55.554.143	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Ngàn VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)</i>				
Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh kiện Nội thất Thaco	Công ty con	Lợi nhuận được chia Chi hộ	- -	27.322.854 8.933.226
Công ty TNHH MTV Huế - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được chia Chi hộ	- -	3.552.437 21.684
Các bên liên quan khác	Công ty con	Chi hộ	2.071.603	3.942.966
TỔNG CỘNG			2.881.192.005	2.748.060.933
<i>Phải thu dài hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Công ty con	Ứng tiền xây dựng văn phòng	1.381.968.705	802.100.997
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH MTV Phân phối Ô tô Du lịch Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	722.162.243	512.291.546
Công ty TNHH MTV Vận tải - Giao nhận - Phân phối Ô tô Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	682.309.883	355.010.044
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	4.812.588	5.949.598
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc bộ Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	1.568.590	3.181.037
Công ty TNHH MTV Truyền thông Đa Phương Tiện Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	1.416.116	1.624.123
Các bên liên quan khác	Công ty con	Mua hàng hóa	6.281.952	3.928.704
TỔNG CỘNG			1.418.551.372	881.985.052
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH MTV Phân phối Ô tô Du lịch Chu Lai Trường Hải.	Công ty con	Ứng trước để mua hàng hóa	271.474.392	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Vay ngắn hạn phải trả</i>				
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô khách Trường Hải.	Công ty con	Vay	160.000.000	-
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>				
Công ty TNHH Sản xuất & Lắp ráp Ô tô Cao cấp Thaco.	Công ty con	Thu hộ	139.941.531	-
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du Lịch Trường Hải KIA.	Công ty con	Thu hộ	35.445.781	-
Công ty TNHH MTV Phụ tùng Trường Hải.	Công ty con	Thu hộ	30.002.636	30.002.636
Trường Cao đẳng Nghề Chu Lai - Trường Hải.	Công ty con	Thu hộ	6.841.297	14.240.770
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc bộ Trường Hải.	Công ty con	Thu hộ	-	5.536.467
Các bên liên quan khác	Công ty con	Thu hộ	115.609	284.868
TỔNG CỘNG			212.346.854	50.064.741

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	29.725.006	30.869.284

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

33. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê một số văn phòng, phòng trưng bày, mặt bằng và đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	34.172.380	33.836.211
Trên 1 – 5 năm	62.580.260	75.561.572
Trên 5 năm	229.266.307	213.153.094
TỔNG CỘNG	<u>326.018.947</u>	<u>322.550.877</u>

Các cam kết về góp vốn

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các cam kết góp vốn vào các công ty con với tổng giá trị là 3.319.345.186 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 621.904.714 ngàn VND).

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có khoản cam kết trị giá 172.245.531 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 416.350.574 ngàn VND) chủ yếu liên quan đến việc xây dựng và phát triển các phòng trưng bày và trung tâm thương mại xe.

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.


 Đỗ Thị Liên Chi
 Người lập


 Nguyễn Hoàng Phi
 Kế toán trưởng


 Trần Bá Dương
 Chủ tịch



Ngày 30 tháng 3 năm 2018